

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5 - 2022
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố MY, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố MH, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và chồng là anh Nguyễn Chí D tự tìm hiểu và yêu thương, được hai bên gia đồng ý và tổ chức đám cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D chơi bời, mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, hay ghen tuông. Anh, chị đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2019 cho đến nay. Quá trình chung sống anh, chị có một đứa con chung tên là Nguyễn Kim Ng sinh ngày 22/02/2013, con đang ở chung với chị. Về tài sản, nợ: Không có.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí D. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Chí D đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh D đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại Bản tự khai ngày 16/3/2022, cháu Nguyễn Kim Ng có nguyện vọng sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Chí D và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh D với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị V, anh D kết hôn vào năm 2012 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị V xác định vợ chồng chị có mâu thuẫn do anh D chơi bời, cờ bạc gây nợ nần, ghen tuông và vợ chồng chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 12/2019 cho đến nay. Anh D không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2019. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo

lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị V yêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh, chị có một đứa con chung tên là Nguyễn Kim Ng sinh ngày 22/02/2013, cháu Ng đang ở chung với chị V. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị V hiện nay cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*. Đối chiếu với quy định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị V là có căn cứ nên được chấp nhận. Giao cháu Ng cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Chị V xác định anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, anh chị có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Chí D.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Kim Ng sinh ngày 22/02/2013 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001634 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Cẩm Tú